

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN**

Số: 26 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Phú Tân, ngày 22 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê chuẩn Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Phú Mỹ,
huyện Phú Tân, tỉnh An Giang đến năm 2040**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 17 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 30/12/2008 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 97/QĐ-BXD ngày 02/02/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc công nhận thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang là đô thị loại IV;

Căn cứ Quyết định số 2355/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và tổng dự toán chi phí lập đồ án

điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 794/TTr-UBND ngày 18/4/2025 của UBND huyện Phú Tân về việc đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang đến năm 2040; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang đến năm 2040 (kèm theo thuyết minh nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch).

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện căn cứ Nghị quyết này và các quy định pháp luật để triển khai thực hiện Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang đến năm 2040 theo quy định.

2. Giao Thường trực HĐND, hai Ban HĐND và các đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Phú Tân khóa XII, kỳ họp thứ 17 (chuyên đề) thông qua và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 04 năm 2025./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng, Sở Tư pháp;
- TT. HU, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỌA KỲ HỌP
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Kiều



PHỤ LỤC

Thuyết minh Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang đến năm 2040

(Kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 22 tháng 04 năm 2025
của HĐND huyện Phú Tân)

1. Tên nhiệm vụ quy hoạch: Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang đến năm 2040

2. Phạm vi, ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch

- Toàn bộ địa giới hành chính của thị trấn Phú Mỹ 785,8 ha có tứ cận như sau:
 - + Phía Đông giáp sông Tiền qua tỉnh Đồng Tháp;
 - + Phía Tây giáp xã Phú Hưng;
 - + Phía Nam giáp xã Tân Hoà, Tân Trung;
 - + Phía Bắc giáp xã Phú Thọ.
- Tổng diện tích điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng là: 785,8 ha

3. Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch

- Điều chỉnh quy hoạch chung phù hợp với những thay đổi thực tế hiện nay và cụ thể hóa những chiến lược, định hướng phát triển của Tỉnh và Huyện, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa - không gian đô thị - kiến trúc cảnh quan, theo tiêu chí của đô thị loại IV.

- Tạo sự đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

- Khai thác tốt các thế mạnh sẵn có, nhằm tăng cường và phát triển hệ thống các công trình dịch vụ và thương mại. Tổ chức, quản lý và bảo vệ môi trường đô thị hiệu quả.

.- Làm cơ sở để triển khai lập các dự án đầu tư xây dựng và kiểm soát, các hoạt động đầu tư xây dựng phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt. Tạo cơ hội thuận lợi cho các chương trình phát triển, các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực đảm bảo phát triển ổn định.

4. Tính chất

Là trung tâm văn hóa, hành chính, khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo, đầu mối giao thông của huyện Phú Tân.

5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án

5.1. Quy mô dân số:

- Năm 2023 hiện trạng dân số toàn đô thị khoảng 19.951 người.
- Năm 2030 dân số toàn đô thị khoảng 28.000 người.
- Năm 2040 dân số toàn đô thị khoảng 31.000 người.

5.2. Quy mô đất xây dựng đô thị:

Diện tích đất tự nhiên 785,80 ha.

5.3. Các chỉ tiêu chính:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án lấy theo chỉ tiêu của đô thị loại IV (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD ngày 19 tháng 05 năm 2021).

Stt	Hạng Mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu quy hoạch
-----	----------	-------------	--------------------

I Chỉ tiêu sử dụng đất			
1.1	Đất dân dụng	m ² /người	≥ 50
1.2	Đất giáo dục		
	- Đất trường trung học phổ thông	học sinh/1000 người m ² /người	40 10
	- Đất trường trung học cơ sở	học sinh/1000 người m ² /người	55 10
	- Đất trường tiểu học	học sinh/1000 người m ² /người	65 10
	- Đất trường mầm non	cháu/1000 người m ² /người	50 12
1.3	Đất y tế		
	- Đất Bệnh viện	giường/1000 người m ² /giường bệnh	4 100
	- Trạm y tế	m ² /trạm	500
1.4	Đất công trình văn hóa - TDTT		
	- Đất sân thể thao cơ bản (nhà thi đấu)	m ² /người ha/công trình	0,6 1,0
	- Đất sân vận động	m ² /người ha/công trình	0,8 2,5
	- Đất trung tâm văn hóa - TDTT	m ² /người ha/công trình	0,8 3,0
	- Nhà thiếu nhi	Chỗ/1000 người ha/công trình	2 1,0
1.3	Đất cây xanh toàn đô thị	m ² /người	≥ 5
II Chỉ tiêu hạ tầng Kỹ thuật			
2.1	Giao thông		
	Tỷ lệ đất giao thông (không bao gồm giao thông tỉnh so với đất xây dựng đô thị (tính tới cấp đường khu vực)	%	≥ 13
2.2	Cấp điện		
	- Cấp điện sinh hoạt	Kwh/người/năm	400 - 1000
	- Cấp điện cơ quan, công trình công cộng	% phụ tải SH	30
	- Cấp điện CN nhỏ, TTCN	Kw/ha	120 - 200
2.3	Cấp nước		
	- Cấp nước sinh hoạt (Qsh)	l/người/ngđ	80 - 100
	- Cấp nước công trình công cộng, DV	% Qsh	≥ 10
	- Cấp nước cho sản xuất nhỏ, TTCN	% Qsh	≥ 8
	- Cấp nước cụm công nghiệp tập trung (cấp cho tối thiểu 60% diện tích)	m ³ /ha	≥ 20
2.4	Thoát nước	% Qsh	≥ 90
2.5	Vệ sinh môi trường		
	- VSMT (Rác thải)	Kg/ng/ng	0,8 - 0,9
	- Tỷ lệ thu gom CTR	%	≥ 85

- Các chỉ tiêu hạ tầng xã hội: tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật: sẽ được xem xét cụ thể trong quá trình triển khai lập quy hoạch để phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển của từng khu vực, phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam.

6. Nội dung nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch

6.1 Định hướng phát triển không gian đô thị

- Trên cơ sở quy hoạch xây dựng thị trấn Phú Mỹ đã được phê duyệt, đề xuất hướng phát triển trong tương lai: các khu trung tâm, khu dịch vụ, khu công viên cây xanh, cụm công nghiệp-TTCN, dịch vụ du lịch, kho tàng, bến bãi, khu cơ quan hành chính, giáo dục đào tạo,...và các khu chức năng đặc biệt khác.

- Xây dựng và hoàn thiện thị trấn Phú Mỹ theo hướng văn minh, hiện đại trở thành một trong những trung tâm thương mại, dịch vụ du lịch của huyện.

a) Định hướng phát triển ngành nông nghiệp, thủy sản:

- Phối hợp với các ngành tổ chức sản xuất các vùng chuyên canh lúa nếp. hình thành vùng trồng lúa chất lượng cao, vùng sản xuất chuyên canh rau màu công nghệ cao và gắn với xúc tiến tìm kiếm thị trường tiêu thụ, đẩy mạnh cơ giới hoá, ứng dụng KH&CN và đồng bộ các khâu trong sản xuất.

- Phát triển chăn nuôi bền vững, gắn với thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường

b) Định hướng phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp:

- Tổ chức không gian phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp: Bố trí quỹ đất phát triển công nghiệp, kêu gọi các nhà đầu tư vào mở rộng, xây dựng hạ tầng, mở rộng công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp.

c) Định hướng phát triển dịch vụ - thương mại, du lịch:

- Đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, đẩy mạnh kêu gọi thu hút phát triển hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi, trung tâm thương mại tại thị trấn Phú Mỹ. Phát triển các loại hình về dịch vụ tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin, dịch vụ kỹ thuật, vận tải phục vụ tốt sản xuất kinh doanh. Đa dạng hoá các ngành dịch vụ.

- Phát triển du lịch gắn kết với bảo vệ tài nguyên môi trường; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá lịch sử và lợi ích của cộng đồng dân cư dân địa phương, du lịch tham quan gắn với các nghề truyền thống.

d) Định hướng phát triển không gian đô thị:

- Đô thị phát triển dọc theo các trục Quốc lộ 80B, ĐT.954(mới), kết nối với thị trấn Chợ Vàm, thị trấn Chợ Mới và đô thị mới Hoà Lạc.

- Phát triển đô thị gắn với không gian cảnh quan bờ sông Tiền.

6.2. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông:

- Quy hoạch mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị phù hợp với điều kiện hiện tại và nhu cầu phát triển trong tương lai của thị trấn Phú Mỹ.

- Xác định mạng lưới giao thông một số tuyến đường chính khu vực, đường phân khu vực và các tuyến đường nội bộ kết nối các khu chức năng với nhau, tạo thành mạng lưới giao thông hoàn chỉnh.

- Tổ chức hệ thống giao thông công cộng và hệ thống bến, bãi đỗ xe đô thị.

- Triển khai thực hiện một số công trình dự án trọng điểm mang tầm cấp vùng, cấp quốc gia trên địa bàn huyện như: QL 80B...; nâng cấp, mở rộng và xây dựng hệ thống đường tỉnh như: ĐT.951, ĐT.954, đảm bảo thống nhất và đồng bộ với Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Giao thông thủy: các tuyến giao thông thủy trên địa bàn huyện do trung ương quản lý: giữ nguyên cấp kỹ thuật, chỉ tiến hành nạo vét để đảm bảo các thông số kỹ thuật của luồng vận tải theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

b) San nền và thoát nước mưa:

- Phân tích đánh giá sự phù hợp của hiện trạng nền xây dựng, thoát nước mặt, xác định các lưu vực thoát nước chính.

- Xác định khối lượng san nền.
- Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất xây dựng
- Xác định cao độ không chế xây dựng cho từng khu vực và các trục giao thông chính.

c) Cấp nước:

- Xác định chỉ tiêu cấp nước và dự báo tổng hợp nhu cầu dùng nước toàn đô thị.

- Xác định nguồn nước, vị trí quy mô các công trình đầu mối cấp nước cho đô thị.

- Quy hoạch mạng lưới đường ống cấp nước toàn đô thị.

d) Cấp điện và chiếu sáng đô thị:

- Xác định nhu cầu sử dụng điện, lựa chọn nguồn điện, thiết kế mạng lưới cấp điện, xác định các chỉ tiêu và nhu cầu sử dụng điện chiếu sáng đô thị.

- Đề xuất các giải pháp về nguồn cấp, lưới điện, cũng như các giải pháp chiếu sáng cho các khu chức năng của đô thị.

e) Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Thoát nước thải:

- Xác định các chỉ tiêu về thu gom xử lý nước thải
- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải phù hợp với quy mô đô thị
- Xác định vị trí và quy mô các trạm bơm, trạm xử lý nước thải.
- Xác định nguồn tiếp nhận nước thải, phân lưu vực thoát nước.

- Quản lý chất thải rắn:

- Dự báo nguồn và tổng lượng phát thải các loại chất thải rắn thông thường và nguy hại.

- Xác định vị trí, quy mô các trạm trung chuyển, phạm vi thu gom, vận chuyển chất thải rắn trong đô thị.

- Xác định vị trí, quy mô các cơ sở xử lý chất thải rắn.

- Nghĩa trang:

- Xác định nhu cầu đất nghĩa trang theo các giai đoạn phát triển đô thị.
- Xác định vị trí, quy mô các khu nghĩa trang đô thị, nhà tang lễ.

g) Thông tin liên lạc:

- Dự báo các loại hình dịch vụ mạng thông tin cho toàn đô thị
- Dự báo nhu cầu sử dụng: thuê bao cố định, thuê bao di động, tín hiệu truyền hình cáp hoặc truyền hình số.

- Đề xuất phương án công nghệ, mạng lưới thông tin...

h) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Xác định các mục tiêu bảo vệ môi trường, đánh giá tác động tới môi trường.

- Đề xuất giải pháp bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường.

k) Đề xuất các giải pháp ưu tiên đầu tư, nguồn lực thực hiện:

Đề xuất tiêu chí lựa chọn dự án ưu tiên; xây dựng danh mục các dự án đầu tư; các giải pháp thực hiện quy hoạch, kế hoạch hành động theo các giai đoạn phát triển của đô thị.

7. Hồ sơ thực hiện

Nội dung, thành phần hồ sơ bản vẽ và thuyết minh của đồ án Điều chỉnh quy hoạch tuân thủ các quy định tại Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/05/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

8. Tiến độ thực hiện

04 tháng, kể từ khi được cơ quan thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.